

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021
của Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của
Chính phủ về việc thực hiện các quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn,
tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm
2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà
nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị
định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi
một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017,
Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 và Nghị định số
32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 4994/STC-TCDN ngày 13
tháng 9 năm 2022 về việc phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty
TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa, với một số chỉ tiêu chính phê duyệt cụ thể như sau:

1. Tổng tài sản: 6.331.149.731 đồng

(Sáu tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi một đồng)

2. Tổng nguồn vốn: 6.331.149.731 đồng

(Sáu tỷ, ba trăm ba mươi một triệu, một trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm ba mươi một đồng)

3. Tổng doanh thu: 6.625.068.930 đồng
(Sáu tỷ, sáu trăm hai mươi lăm triệu, không trăm sáu mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi đồng).
4. Tổng chi phí: 6.782.749.096 đồng
(Sáu tỷ, bảy trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm bốn mươi chín nghìn, không trăm chín mươi sáu đồng).
5. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp: - 157.680.166 đồng
(Âm một trăm năm mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi nghìn, một trăm sáu mươi sáu đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của báo cáo tài chính.
2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các ngành và đơn vị liên quan:
 - a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác, tính pháp lý, thẩm quyền đề nghị phê duyệt của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và việc đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định.
 - b) Có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện chế độ kế toán, chế độ thu chi tài chính, thu nộp ngân sách, chế độ trích lập sử dụng các quỹ của Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền; tham mưu đề xuất, báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Công ty TNHH một thành viên Nhà xuất bản Thanh Hóa và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KTTC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Đỗ Minh Tuấn

Phụ lục:
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2021 CỦA CÔNG TY
TNHH MỘT THÀNH VIÊN NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
	TỔNG TÀI SẢN	6.331.149.731
A	Tài sản ngắn hạn	6.266.400.665
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.969.415.015
1	Tiền	3.969.415.015
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	2.278.845.413
1	Phải thu khách hàng	2.262.845.413
2	Các khoản phải thu khác	16.000.000
3	Dự phòng phải thu khó đòi	-
IV	Hàng tồn kho	-
1	Hàng tồn kho	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	18.140.237
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	18.140.237
2	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	-
B	Tài sản dài hạn	64.749.066
I	Các khoản phải thu dài hạn	-
II	Tài sản cố định	-
1	Tài sản cố định hữu hình	-
-	Nguyên giá	468.538.900
-	Giá trị hao mòn lũy kế	(468.538.900)
2	Tài sản cố định vô hình	-
-	Nguyên giá	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	-
III	Bất động sản đầu tư	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	-
IV	Đầu tư tài chính dài hạn	-
V	Tài sản dài hạn khác	64.749.066
1	Chi phí trả trước dài hạn	64.749.066
	TỔNG NGUỒN VỐN	6.331.149.731
C	Nợ phải trả	5.156.936.960

TT	Chỉ tiêu	Số tiền
I	Nợ ngắn hạn	5.156.936.960
1	Phải trả người bán	4.456.399.955
2	Người mua trả tiền trước	13.063.500
3	Thuế và các khoản phải nộp NN	21.295.318
4	Phải trả người lao động	61.303.378
5	Phải trả ngắn hạn khác	604.874.809
II	Nợ dài hạn	-
D	Vốn chủ sở hữu	1.174.212.771
I	Vốn chủ sở hữu	1.174.212.771
1	Vốn góp của chủ sở hữu	1.455.487.352
2	Lợi nhuận chưa phân phối năm nay	(157.680.166)
3	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước	(123.594.415)
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-
	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH	
E	Các chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh	-
I	Tổng doanh thu	6.625.068.930
1	Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh	6.583.232.747
2	Doanh thu từ hoạt động tài chính	3.604.364
3	Doanh thu khác	38.231.819
II	Tổng chi phí	6.782.749.096
1	Giá vốn hàng bán	4.898.319.694
2	Chi phí bán hàng	-
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.814.171.220
4	Chi phí tài chính	-
5	Chi phí khác	70.258.182
III	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(157.680.166)
IV	Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
V	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(157.680.166)